

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (BÁO CÁO RIÊNG CỦA NGÂN HÀNG)

Dạng đầy đủ
Quý II năm 2011

Đvt: đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.13	4,424,513,984,362	1,512,535,988,038	8,307,695,639,067	2,781,986,123,017
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.14	(3,164,482,137,973)	(870,919,524,267)	(6,057,477,685,638)	(1,626,488,042,142)
I	Thu nhập thuần từ lãi		1,260,031,846,389	641,616,463,771	2,250,217,953,429	1,155,498,080,875
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		119,551,843,483	79,143,616,430	379,475,337,071	150,568,757,924
4	Chi phí từ hoạt động dịch vụ		(31,940,896,393)	(20,516,683,798)	(55,707,155,301)	(36,103,558,145)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		87,610,947,090	58,626,932,632	323,768,181,770	114,465,199,779
III	Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		19,122,298,161	38,271,368,183	(29,296,119,317)	59,904,025,607
IV	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.15	(15,463,928,757)	(210,972,723)	(24,172,206,364)	(505,693,856)
V	Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.16	(690,118,560)	(5,675,576,843)	(1,285,668,560)	(6,595,523,031)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		1,493,580,873	5,455,655,470	3,354,969,568	20,558,523,749
6	Chi phí từ hoạt động khác		(3,697,000)	(1,170,080)	(16,102,555)	(15,617,013)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác		1,489,883,873	5,454,485,390	3,338,867,013	20,542,906,736
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.17	(9,512,406,019)	12,117,377,641	(19,506,295,174)	12,957,250,286
VIII	Chi phí hoạt động	VI.18	(381,011,878,503)	(231,501,506,856)	(691,409,054,891)	(422,264,680,629)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		961,576,643,674	518,698,571,195	1,811,655,657,906	934,001,565,767
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(121,580,354,931)	(22,787,914,452)	(121,580,354,931)	(22,787,914,452)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		839,996,288,743	495,910,656,743	1,690,075,302,975	911,213,651,315
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(210,493,613,412)	(117,004,588,199)	(420,610,744,411)	(211,715,727,196)
8	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			13,243,991,992		13,243,991,992
XII	Chi phí thuế TNDN		(210,493,613,412)	(103,760,596,207)	(420,610,744,411)	(198,471,735,204)
XIII	Lợi nhuận sau thuế		629,502,675,331	392,150,060,536	1,269,464,558,564	712,741,916,111
XIV	Lợi ích của cổ đông thiểu số					
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					

LẬP BẢNG

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Tuấn Khiêm

Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

Nguyễn Tuấn Khiêm

Nguyễn Hồ Hoàng Vũ

TP.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2011

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH THỊ THU THẢO